ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2433/2015/QĐ-UBND	*Quảng Ninh, ngày 20 tháng 8 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Về một số chính sách khuyến khích, thúc đẩy xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH
Người ký: Van thu - Quang Ninh
Email: ubnd_quangninh@vpchinhphu.vn
Cơ quan: Van phong, Uy ban Nhan dan tinh Quang Ninh
Thời gian ký: 28.08.2015 10:56:59 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2004; Luật Ngân sách nhà nước năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008;

Căn cứ các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính: Số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC;

Căn cứ Nghị quyết số 208/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII - kỳ họp thứ 21 về việc thông qua một về một số chính sách khuyến khích, thúc đẩy xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1979/TTr-KHĐT ngày 19/8/2015 và Báo cáo thẩm định số 120/BC-STP ngày 18/8/2015 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về một số chính sách khuyến khích, thúc đẩy xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh.

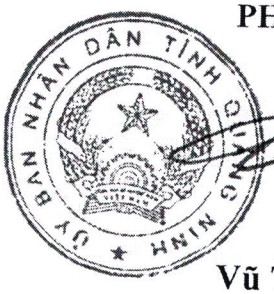
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Lao động Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ; Tư Pháp; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Ngân hàng nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND Tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- V0, V1- V4; các chuyên viên NCTH VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, GD;

Vy. QĐ 46

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Thị Thu Thủy

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về một số chính sách khuyến khích, thúc đẩy xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh.

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2433/2015/QĐ-UBND ngày 20/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Ngoài được hưởng ưu đãi quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ về khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp; Quyết định này quy định một số ưu đãi và hỗ trợ đầu tư dành cho các nhà đầu tư thực hiện đầu tư dự án mới, dự án mở rộng trong lĩnh vực xã hội hóa tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng:

Các tổ chức, cá nhân trong nước được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, đầu tư vào các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1, Điều này (sau đây gọi tắt là cơ sở thực hiện xã hội hóa).

3. Các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa không thuộc đối tượng áp dụng tại Quy định này.

Điều 2. Điều kiện, nguyên tắc áp dụng hỗ trợ đầu tư

1. Điều kiện được hưởng chính sách:

Các dự án thực hiện xã hội hóa lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp, ngoài việc thuộc danh mục loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ và phải là các dự án chất lượng cao, phù hợp với quy hoạch, nằm trong danh mục và địa bàn xã hội hóa được công bố cho từng giai đoạn; các dự án đề xuất phải được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận đầu tư.

Đối với dự án xã hội hóa thuộc lĩnh vực giám định tư pháp, thực hiện theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Nguyên tắc hỗ trợ:

Chỉ hỗ trợ một lần sau khi dự án được thực hiện hoàn thành đưa vào sử dụng và đảm bảo đúng mục tiêu, nội dung, quy mô đã phê duyệt.

Chương II
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Điều 3. Hỗ trợ chung

Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào: Tỉnh đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng đến chân hàng rào gồm: Đường giao thông đấu nối, cấp điện, cấp thoát nước.

Điều 4. Chính sách đặc thù

1. Hỗ trợ chi phí giải phóng mặt bằng trong ranh giới thực hiện dự án theo quy hoạch được duyệt: Hỗ trợ 100% chi phí giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hỗ trợ lãi suất vay thương mại:

- Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần sau khi dự án hoàn thành.

- Mức hỗ trợ: Tối đa bằng phần chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế, nhưng tối đa 6%/năm/số dư nợ thực tế.

- Thời gian hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 05 năm, tính từ ngày bắt đầu vay vốn theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại.

- Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án.

- Mức hỗ trợ lãi suất được điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 5. Các trường hợp khác

Đối với các nhà đầu tư vào các lĩnh vực nêu trên ở địa bàn các xã, thị trấn thuộc các huyện miền núi, biên giới, hải đảo của tỉnh (không thuộc địa bàn khó khăn nêu trên), tùy theo từng trường hợp cụ thể có thể sẽ được xem xét một phần mức hỗ trợ sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hóa

Cơ sở thực hiện xã hội hóa khi lập hồ sơ xin thuê đất phải có đề xuất phương án đầu tư đảm bảo tính hiệu quả đầu tư đáp ứng các điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa thuộc lĩnh vực đầu tư và cam kết thực hiện đúng tiến độ và tiêu chuẩn kỹ thuật được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ưu đãi về đất và thực hiện cho thuê đất; đồng thời báo cáo cho cơ quan thuế biết về ưu đãi, tiến độ thực hiện dự án để theo dõi, tổng hợp.

Điều 7. Nguồn vốn, giám sát đầu tư và chế độ báo cáo

1. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh từ nguồn vốn đầu tư phát triển hỗ trợ theo quy định hiện hành.

2. Giám sát đầu tư và chế độ báo cáo

a) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện giám sát việc thực hiện triển khai chính sách; kiểm tra việc quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ theo quy định, đôn đốc tiến độ thực hiện dự án theo cam kết của cơ sở thực hiện xã hội hóa.

b) Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa thực hiện không đúng nội dung được hỗ trợ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thu hồi kinh phí hỗ trợ và nộp về ngân sách nhà nước hoặc hỗ trợ cho dự án khác.

c) Khi cơ sở thực hiện xã hội hóa hoàn thành đầu tư dự án, chuẩn bị đưa vào hoạt động phải có trách nhiệm lập báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện đầu tư dự án theo quy định tại Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn trình tự thủ tục thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Quyết định này.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu đề xuất phương án phân bổ nguồn lực từ ngân sách tỉnh hàng năm và trung hạn để thực hiện chính sách này và thực hiện chính sách quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008; hàng năm lập danh mục dự án và phương án phân bổ vốn hỗ trợ cho từng dự án báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

c) Đầu mối tiếp nhận hồ sơ dự án của cơ sở thực hiện xã hội hóa chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định thiết kế, dự toán hạng mục, công trình hoặc thiết kế, tổng dự toán của cả dự án, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt và hỗ trợ.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên ngành liên quan tổ chức lựa chọn nhà đầu tư đối với trường hợp có hai nhà đầu tư trở lên cùng đề xuất đầu tư cùng dự án cùng địa bàn.

đ) Lập danh mục dự án kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, xã hội của tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và phối hợp tổ chức hội nghị kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư xã hội hóa vào lĩnh vực Văn hóa xã hội của tỉnh.

e) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh, bổ sung tăng hoặc giảm mức hỗ trợ, đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại Quyết định này đảm bảo phù hợp với từng thời kỳ phát triển.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng hướng dẫn, kiểm tra việc thanh toán, quyết toán các khoản hỗ trợ theo quy định tại Quyết định này.

b) Tham gia ý kiến thẩm tra các dự án được hỗ trợ đầu tư.

c) Theo dõi, kiểm tra việc hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa.

d) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

3. Các Sở: Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động Thương binh và Xã hội, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tư pháp:

a) Phối hợp thẩm định hồ sơ về nội dung, quy mô, sự cần thiết đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng tiêu chí, quy mô cụ thể về chất lượng cao của các dự án thuộc danh mục đầu tư đối với các lĩnh vực quản lý.

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện để xác nhận khối lượng hoàn thành hạng mục đầu tư; nghiệm thu hoàn thành dự án được hỗ trợ.

d) Tham gia ý kiến thẩm tra hỗ trợ đầu tư và chịu trách nhiệm về những vấn đề thuộc chức năng quản lý của mình.

đ) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

4. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tư pháp và Sở chuyên ngành về xã hội hóa có liên quan tiến hành giám sát việc thực hiện dự án xã hội hóa theo đúng điều kiện và tiêu chí đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp phát hiện, cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bãi bỏ các ưu đãi theo quy định của pháp luật;

b) Căn cứ quy định hiện hành có văn bản hướng dẫn các cơ sở thực hiện xã hội hóa hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định.

c) Cấp mã số thuế cho cơ sở thực hiện xã hội hóa, báo cáo tình hình ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa thực hiện theo quy định.

5. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Quảng Ninh, Báo Quảng Ninh:

Tuyên truyền, quảng bá về chính sách và động viên các cơ sở thực hiện xã hội hóa, địa phương thực hiện có hiệu quả chính sách này.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Chịu trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác giải phóng mặt bằng trước khi cho thuê đất theo quy hoạch cho cơ sở thực hiện xã hội hóa.

b) Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan để xác nhận khối lượng hoàn thành hạng mục đầu tư, nghiệm thu hoàn thành dự án được hỗ trợ và các nội dung

khác có liên quan để triển khai thực hiện các nội dung tại Quy định này.

c) Hằng năm đánh giá tình hình thực hiện chính sách này tại địa phương, báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Thị Thu Thủy

PHỤ LỤC

DANH MỤC LĨNH VỰC, ĐỊA BÀN ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH XÃ HỘI HÓA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2433 /2015/QĐ-UBND ngày 20 /8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

A. DANH MỤC LĨNH VỰC:

I. Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo, gồm: Trường mầm non; trường tiểu học, trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học hoặc dành cho người khuyết tật.

II. Lĩnh vực dạy nghề, gồm: Trường trung cấp, trường cao đẳng nghề và cơ sở dạy nghề cho người tàn tật.

III. Lĩnh vực y tế, gồm:

1. Cơ sở khám chữa bệnh:

(a) Bệnh viện đa khoa có quy mô ≥ 150 giường bệnh, đạt tiêu chuẩn quốc tế.

(b) Bệnh viện chuyên khoa Mắt, Lão khoa.

2. Các cơ sở y tế dự phòng: Các cơ sở điều trị thay thế bằng Methadol.

3. Hợp tác công tư đối với các bệnh viện công lập theo hình thức hợp tác công tư cung cấp dịch vụ công theo đặt hàng của cơ quan nhà nước và dịch vụ y tế chất lượng cao theo yêu cầu.

IV. Lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao, gồm:

(1) Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, gồm: Trung tâm văn hóa; rạp chiếu phim; nhà hát; nhà văn hóa.

(2) Hệ thống thể thao các cấp, gồm: Hệ thống sân vận động; nhà luyện tập thể dục, thể thao; công viên; bể bơi.

(3) Hệ thống nhà văn hóa, thể thao tại các doanh nghiệp FDI, các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

V. Lĩnh vực môi trường, gồm:

Các cơ sở xử lý môi trường, gồm: Thu gom, vận chuyển rác thải; xử lý rác thải; thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải y tế); xử lý chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải y tế); xử lý nước thải sinh hoạt tập trung; xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại các đô thị; sản xuất năng lượng tái tạo từ sức gió, ánh sáng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt, năng lượng sinh học, sản xuất năng lượng sạch từ việc tiêu hủy chất thải ô nhiễm môi trường; cơ sở hoả táng, điện táng; xử lý chất thải quy mô nhỏ phân tán; cung cấp nước sạch; quan trắc và phân tích môi trường; sản xuất ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường; sản xuất trang thiết bị chuyên dùng để xử lý (tái chế, tiêu hủy) các loại chất thải; sản xuất thiết bị chuyên dùng cho các hệ thống quan trắc môi trường; khắc phục sự cố môi trường và các dự án đầu tư xây dựng nhà tang lễ.

VI. Giám định tư pháp, gồm: Các cơ sở giám định tư pháp theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

B. DANH MỤC ĐỊA BÀN KHÓ KHĂN HƯỞNG CHÍNH SÁCH:

Trong giai đoạn hiện nay, áp dụng theo Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ (trong trường hợp Chính phủ có Quyết định thay đổi, điều chỉnh thì thực hiện theo quy định mới của Chính phủ):

- Huyện Hoành Bồ: Gồm 04 xã (Tân Dân, Đồng Lâm, Đồng Sơn, Kỳ Thượng);

- Huyện Ba Chẽ: Gồm 7 xã (Lương Mông; Minh Cầm; Đạp Thanh; Đồn Đạc; Nam Sơn; Thanh Lâm; Thanh Sơn);

- Huyện Vân Đồn: Gồm 6 xã (Bản Sen; Ngọc Vừng; Thắng Lợi; Bình Dân; Đài Xuyên; Vạn Yên);

- Huyện Tiên Yên: Gồm 5 xã (Phong Dụ; Đại Dực; Đại Thành: Điền Xá; Hà Lâu);

- Huyện Bình Liêu: Gồm 7 xã (Hoành Mô; Húc Động; Đồng Tâm; Đồng Văn; Lục Hồn; Tình Húc; Vô Ngại);

- Huyện Đầm Hà: Gồm 4 xã (Quảng Tân; Quảng An; Quảng Lâm; Thắng Lợi);

- Huyện Hải Hà: Gồm 4 xã (Quảng Phong; Quảng Thịnh; Quảng Đức; Quảng Sơn);

- Thành phố Móng Cái: Gồm 9 xã, phường (Hải Hòa; Hải Yên; Ninh Dương; Bắc Sơn; Hải Sơn; Trà Cổ; Bình Ngọc; Trần Phú; Ka Long);

- Huyện Cô Tô: Gồm 01 xã (Đồng Tiến).